

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/HS-ST
Ngày: 03-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàng

Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị C - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2023/HSST ngày 24 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2023, đối với bị cáo:

Prất K2, sinh năm 1995, tại tỉnh Trà Vinh;

Nơi cư trú: **Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Thạch Đ** (đã chết) và bà **Prất Thị Sô K** (đã chết); bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/01/2023, chuyển tạm giam kể từ ngày 11/01/2023 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện T**. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Người bị hại:*

1. Chị **Nguyễn Thị Quyền T**, sinh năm 1996; Địa chỉ: **Ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang**; (đã chết)

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của bị hại Nguyễn Thị Quyền T là: Bà **Phan Thị T1**, sinh năm 1964 và ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1964. Cùng địa chỉ: **Ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang**. Người đại diện theo ủy quyền của ông **D**, bà **T1** là anh **Lê Thanh P**, sinh năm 1993; Địa chỉ: **Ấp E, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**; (có mặt)

2. Chị **Nguyễn Thị Như N**, sinh năm 1992; Địa chỉ: **Áp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An**; (đã chết)

*Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của bị hại **Nguyễn Thị Như N** là:* Bà **Nguyễn Thị Đ1**, sinh năm 1969 và ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1968. Cùng địa chỉ: **Áp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An**. Bà **Đ1** và ông **T2** cùng ủy quyền cho chị **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1989; Địa chỉ: **Áp N, xã H, huyện T, tỉnh Long An** đại diện tham gia tố tụng với tư cách là đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của bị hại **N**; (có mặt)

- *Nguyên đơn dân sự:* Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1968; Địa chỉ: **Áp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An**; (xin vắng mặt)

- *Bị đơn dân sự:*

1. Ông **Huỳnh Thanh L**, sinh năm 1983; Địa chỉ: **Ô, Khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh**; (có mặt)

2. Ông **Nguyễn Văn N1**, sinh năm 1965; Địa chỉ: **Áp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An**; (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Công ty TNHH MTV **T8**; Địa chỉ trụ sở chính: **Số C, Áp K, xã N, huyện T, tỉnh Long An**;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Minh L1** – Giám đốc. (xin vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông **Trịnh Văn T3**, sinh năm 1969; Địa chỉ: **Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An**; (xin vắng mặt)

2. Anh **Đinh Phi T4**, sinh năm 1989; Địa chỉ: **Áp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**; (xin vắng mặt)

3. Chị **Nguyễn Thu T5**, sinh năm 1990; Địa chỉ: **Áp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**; (xin vắng mặt)

4. Bà **Nguyễn Thị N2**, sinh năm 1980; Địa chỉ: **Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An**; (xin vắng mặt)

5. Anh **Nguyễn Hùng K1**, sinh năm 1986; Địa chỉ: **Áp K, xã N, huyện T, tỉnh Long An**; (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo **Prắt K2** là:* Trợ giúp viên pháp lý **Nguyễn Văn K3** – **Trung tâm T9**, Sở Tư pháp tỉnh Long An; (có mặt)

- *Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại **Nguyễn Thị Như N** là:* Luật sư **Nguyễn Chí T6**, Đoàn Luật sư tỉnh B. Nơi làm việc: Chi nhánh Công ty **L2** và Cộng sự; Địa chỉ: **Số B, Đường B, Khóm D, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu**. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản cáo trạng số 12/CT-VKSTT ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thanh, tỉnh Long An xác định: Khoảng 16 giờ 35 phút ngày 01/01/2023, **Prắt K2** điều khiển xe ô tô tải biển số 62C-132.07, có giấy phép lái xe hạng C theo quy định chở đất lưu thông trên **đường T** theo hướng **huyện T, tỉnh Đồng Tháp đi huyện T, tỉnh Long An**. Khi điều khiển xe ô tô tải lưu thông gần đến ngã tư giao nhau giữa **đường T với đường H** thuộc **khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An** cách khoảng 50 mét thì **K2** quan sát nhìn thấy đèn tín hiệu giao thông tại ngã tư đang là màu xanh, báo thời gian còn 05 giây, **K2** tiếp tục điều khiển xe ô tô tải chạy đến ngã tư. Khi xe ô tô tải lưu thông cách vạch dừng phía trước đèn tín hiệu giao thông khoảng 10 mét thì **K2** quan sát nhìn thấy đèn tín hiệu giao thông tại ngã tư đã chuyển sang màu vàng, báo thời gian còn 04 giây. Lúc này, **K2** không dừng xe ô tô tải lại trước vạch dừng mà điều khiển xe ô tô tải tăng tốc để vượt qua vạch dừng và tiếp tục điều khiển xe ô tô tải lưu thông qua ngã tư. Cùng lúc này, **Nguyễn Thị Quyền T** điều khiển xe mô tô biển số 62E1-245.94 chở **Nguyễn Thị Như N** ngồi phía sau đang lưu thông trên **đường H** theo hướng từ **đường B đi Quốc lộ N** vượt qua tín hiệu đèn đỏ khoảng 04 giây thì đầu xe ô tô tải do **K2** điều khiển đụng vào xe mô tô do **T** điều khiển làm **T** và **N** té ngã xuống đường, xe ô tô tải do **K2** điều khiển chèn ép qua người **Trân** và **N** dẫn đến **T** và **N** tử vong tại chỗ. Sau đó, **Prắt K2** tự nguyện đến **Công an huyện T** đầu thú và khai nhận hành vi như trên.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 16/KL-KTHS ngày 06/01/2023 của **Phòng K4 Công an tỉnh L**. Kết luận: nguyên nhân chết của nạn nhân **Nguyễn Thị Quyền T** do bị vật nặng chèn ép qua người gây đa chấn thương từ đầu đến chân.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 17/KL-KTHS ngày 06/01/2023 của **Phòng K4 Công an tỉnh L**. Kết luận: nguyên nhân chết của nạn nhân **Nguyễn Thị Như N** do bị đa chấn thương.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về hóa pháp số HST 09/ĐC.2023 ngày 12 tháng 01 năm 2023 của **Trung tâm pháp y Thành phố H**. Kết luận: Nồng độ Ethanol trong máu của **Nguyễn Thị Quyền T** là 226,98 mg/100ml.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về hóa pháp số HST 10/ĐC.2023 ngày 12 tháng 01 năm 2023 của **Trung tâm pháp y Thành phố H**. Kết luận: Nồng độ Ethanol trong máu của **Nguyễn Thị Như N** là 144,85 mg/100ml.

Tại Bản Kết luận giám định số 1788/KL-KTHS ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Phân Viện khoa học hình sự **Bộ C1** tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết luận: Tốc độ của xe ô tô biển số 62C-132.07 khi tham gia tai nạn giao thông đường bộ được xác định theo phương pháp tính toán là từ 44,02 km/h đến 47,06 km/h.

Tại Bản Kết luận giám định số 208/KL-KTHS ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Phòng K4 Công an tỉnh L. Kết luận:

- 05 (năm) File video có tên “3570378526948269606.mp4”, “D03_20230101163457.mp4”, “D04_20230101163500.mp4”, “D05_20230101163457.mp4”, “D06_20230101163458.mp4” trong đĩa DVD mẫu giám định (ký hiệu A) không phát hiện chỉnh sửa, cắt ghép.

- Thời điểm xe mô tô màu trắng do người phụ nữ mặc áo màu đỏ, đội nón bảo hiểm màu đỏ điều khiển chở người phụ nữ mặc áo màu đen, đội nón bảo hiểm màu đen ngồi phía sau vượt qua vạch kẻ đường màu trắng dành cho người đi bộ phía trước vạch dừng thì trụ đèn giao thông mà phương tiện này vượt qua có tín hiệu màu đỏ (kèm theo Bản ảnh giám định).

- Từ thời điểm xe mô tô màu trắng do người phụ nữ mặc áo màu đỏ, đội nón bảo hiểm màu đỏ điều khiển chở người phụ nữ mặc áo màu đen, đội nón bảo hiểm màu đen ngồi phía sau vượt qua vạch kẻ đường màu trắng dành cho người đi bộ đến khi trụ đèn giao thông không còn tín hiệu màu đỏ được xác định trong khoảng thời gian từ 4 giây 400 mili giây (trụ đèn giao thông có tín hiệu màu đỏ) đến 4 giây 450 mili giây (trụ đèn giao thông không còn tín hiệu màu đỏ).

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T. Kết luận: giá trị xe mô tô biển số 62E1-245.94 bị hư hỏng là 3.787.235 đồng.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông lúc 17 giờ 00 phút ngày 01/01/2023 và Sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T lập thể hiện:

Tai nạn giao thông đường bộ xảy ra tại nơi giao nhau giữa đường T và đường H đoạn Km 00 + 500 đường T thuộc Khu phố D, thị trấn T. Đường T là đường thẳng, mặt đường nhựa rộng 17,60 mét, trong phạm vi giao nhau giữa đường T và đường H không có vạch kẻ đường, tại vị trí vạch dừng đèn tín hiệu giao thông trên đường T hướng về huyện T và hướng về huyện T có vạch sơn liên tục ở giữa đường. Tại vị trí vạch dừng đèn tín hiệu giao thông trên đường H về hướng đường B có dây phân cách cố định, hướng về Quốc lộ N không có dây phân cách và không có vạch sơn phân chia làn đường.

Chọn trụ đèn tín hiệu giao thông bên lề phải theo hướng đi từ huyện T, tỉnh Đồng Tháp về huyện T, tỉnh Long An làm điểm mốc cố định, chọn mép đường bên phải của đường T theo hướng từ huyện T, tỉnh Đồng Tháp về huyện T, tỉnh Long An làm mép đường chuẩn tiến hành đo đạc, ghi nhận vị trí các dấu vết, phương tiện tại hiện trường như sau:

- Vết cày dài 11,30 mét, ký hiệu số (1): Từ điểm mốc cố định đo đến đầu vết cày là 18,70 mét. Vết cày có chiều hướng từ huyện T về huyện T, chiều dài 11,30 mét, đầu vết cày cách mép đường chuẩn 5,70 mét, cuối vết cách mép

đường chuẩn 5,00 mét. Khoảng cách từ đầu vết cày đến đầu vết trượt số (2) là 0,60 mét.

- Vết trượt, ký hiệu số (2): Vết trượt có chiều hướng từ huyện T về huyện T, chiều dài 8,85 mét, rộng 0,10 mét, đầu vết trượt cách mép đường chuẩn 5,85 mét, cuối vết cách mép đường chuẩn 6,00 mét. Khoảng cách từ cuối vết trượt đến đầu vết cày số (3) là 2,95 mét.

- Vết cày dài 15,80 mét, ký hiệu số (3): Vết cày có chiều hướng từ huyện T về huyện T, chiều dài 15,80 mét, đầu vết cày cách mép đường chuẩn 5,80 mét, cuối vết cày trùng với vị trí gát chân trước bên trái xe mô tô biển số 62E1-245.94. Khoảng cách từ đầu vết cày đến đầu vết phanh số (4) là 0,70 mét.

- Vết phanh dài 10,90 mét rộng 0,50 mét, ký hiệu số (4): Vết phanh dài 10,90 mét, rộng 0,50 mét, chiều hướng từ huyện T về huyện T, đầu vết phanh cách mép đường chuẩn 6,50 mét, cuối vết phanh trùng với vị trí bánh sau bên trái xe ô tô tải biển số 62C-132.07. Khoảng cách từ tâm đầu vết phanh đến tâm vùng máu và mô của nạn nhân số (5) là 2,90 mét.

- Vùng máu và mô của nạn nhân kích thước 2,00 mét x 0,70 mét, ký hiệu số (5): Tâm số (5) cách mép đường chuẩn 4,35 mét và cách đầu vết phanh số (6) là 2,45 mét.

- Vết phanh và vùng máu, mô của nạn nhân kích thước 6,00 mét x 1,10 mét, ký hiệu số (6): Vết phanh và vùng mô, máu của nạn nhân dài 6,00 mét, điểm rộng nhất 1,10 mét có chiều hướng từ huyện T về huyện T, đầu vết (6) cách mép đường chuẩn 4,50 mét, cuối vết (6) trùng với vị trí bánh sau bên phải xe ô tô tải biển số 62C-132.07.

- Xe ô tô tải biển số 62C-132.07, ký hiệu số (7): Xe ô tô tải dừng hẳn, đầu xe hướng về huyện T, tâm bánh trước bên phải cách mép đường chuẩn 4,10 mét, tâm bánh sau bên phải cách mép đường chuẩn 4,10 mét.

- Nạn nhân thứ nhất, ký hiệu số (8): Nạn nhân nằm dưới bánh xe phía sau bên trục 3 của xe ô tô tải biển số 62C-132.07, đầu nạn nhân cách mép đường chuẩn 4,40 mét, chân cách mép đường chuẩn 4,90 mét. Đầu nạn nhân thứ nhất cách đầu nạn nhân thứ 2 là 4,70 mét.

- Nạn nhân thứ hai, ký hiệu số (9): Nạn nhân nằm dưới bánh trước bên trái của xe ô tô tải biển số 62C-132.07, đầu nạn nhân cách mép đường chuẩn 6,80 mét, chân cách mép đường chuẩn 5,50 mét. Khoảng cách từ mũi bàn chân trái của nạn nhân đến tâm bánh sau xe mô tô biển số 62E1-245.94 là 0,20 mét.

- Xe mô tô biển số 62E1-245.94, ký hiệu số (10): Xe mô tô nằm dưới gầm xe ô tô tải biển số 62C-132.07 và ngã nghiêng sang trái, đầu xe hướng về huyện T, tâm bánh trước cách mép đường chuẩn 5,45 mét, tâm bánh sau cách mép đường chuẩn 5,50 mét.

Tại Biên bản khám nghiệm phương tiện xe ô tô tải biển số 62C-132.07 ghi nhận như sau:

- Phần dấu vết trên phương tiện: Cản trước bên trái bị biến dạng, lõm vào trong, dài 0,65 mét, rộng 0,20 mét, sâu 0,10 mét, tâm cách mặt đất 0,80 mét; Bánh xe trước và bánh xe sau bên trái cả ba trục dính nhiều mô của nạn nhân và bị mài mòn cao su; Bánh xe sau bên phải trục 3 dính nhiều mô của nạn nhân và bị mài mòn cao su; Trên phương tiện đang chở đất, tổng trọng lượng toàn phần (gồm xe và đất trên xe) là 28.950 kg.

- Phần kỹ thuật an toàn phương tiện: Phan tay, phanh chân, hệ thống điều khiển, còi hoạt động bình thường. Kính chiếu hậu, cần gạt nước, lốp xe đảm bảo.

Tại Biên bản khám nghiệm phương tiện xe mô tô biển số 62E1-245.94 ghi nhận như sau:

- Phần dấu vết trên phương tiện: Gương chiếu hậu bên trái hư hỏng; Đầu tay cầm bên trái bị mài mòn; Đ2 thắng tay bị gãy rời khỏi vị trí ban đầu; Đầu xe hư hỏng hoàn toàn; Cổ xe bị lệch sang trái; Mũi chắn bùn trước bị mài mòn; Yếm chắn gió bên phải bị vỡ chiều dài 0,30 mét; Gát chân trước bên trái bị cong lên trên; Gát chân sau bên trái bị mài mòn; Ốp nhựa bên trái thân xe bị mài mòn kích thước 0,30 mét x 0,10 mét; Ốp nhựa bên phải thân xe bị vỡ dài 0,10 mét; Phía sau, bên trái thanh bảo vệ yên xe bị mài mòn dài 0,20 mét; Nhựa bảo vệ đèn sau bị vỡ.

Phần kỹ thuật an toàn phương tiện: Phan tay, phanh chân, còi hoạt động bình thường.

Bị can Pratt Kiệt: Phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị can đã tác động ông Huỳnh Thanh L bồi thường thay cho bị can số tiền 50.000.000 đồng; bị can đầu thú; bị can là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn; có một phần lỗi của nạn nhân Nguyễn Thị Quyên T, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị can Pratt K2 phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ tài liệu, đồ vật gồm:

- 01 xe ô tô tải nhãn hiệu CHENGLONG, số loại LZ3253QDL, màu sơn: bạc, biển số 62C-132.07, số máy YC6MK34033MD3L2H 00276, số khung LGGX4DD4XHL439033 thuộc sở hữu của ông Huỳnh Thanh L, sinh năm 1983, HKTT: Ô F Khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVEALP, màu sơn: trắng, đen, bạc, biển số 62E1-245.94, số máy JA39E1221434, số khung 3913KY354548 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1968, HKTT: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Tất cả các vật chứng trên cần tiếp tục tạm giữ chờ xét xử. Hiện các vật chứng trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đang tạm giữ.

- 01 Giấy phép lái xe hạng C số 790187167675 mang tên Pratt K2.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 62C-132.07 số 000161.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 62E1-245.94 số 018966.
- 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số 0912506.
- 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số 22BB220126567.
- 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 821159003793 mang tên **Nguyễn Thị Quyền T.**

- 01 đĩa DVD nhãn hiệu Vitamedia chứa 05 (năm) File ghi hình không có âm thanh (video clip) được trích xuất từ thiết bị lưu trữ dữ liệu camera giám sát an ninh trật tự lắp đặt tại nơi xảy ra tai nạn ghi nhận diễn biến vụ tai nạn.

Tất cả các vật chứng trên cần tiếp tục tạm giữ chờ xét xử. Hiện các vật chứng trên đang được tạm giữ kèm theo hồ sơ chính vụ án.

Trên cơ sở đó, Cáo trạng xác định hành vi của **Prất K2** đã vi phạm khoản 3 Điều 10 Luật giao thông đường bộ. Hậu quả làm cho chị **T**, chị **N** tử vong.

Tại khoản 3 Điều 10 Luật Giao thông đường bộ quy định:

“3. Tín hiệu đèn giao thông có ba màu, quy định như sau:

- a) Tín hiệu xanh là được đi;
- b) Tín hiệu đỏ là cấm đi;
- c) Tín hiệu vàng là phải dừng lại trước vạch dừng, trừ trường hợp đã đi quá vạch dừng thì được đi tiếp; trong trường hợp tín hiệu vàng nhấp nháy là được đi nhưng phải giảm tốc độ, chú ý quan sát, nhường đường cho người đi bộ qua đường”.

Hành vi của **Prất K2** đã phạm về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Điều 260 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

- a) Làm chết người;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

- đ) Làm chết 02 người;

...”.

Đối với **Prất K2** có hành vi điều khiển xe ô tô tải chở đất trên xe vượt trọng tải cho phép đã vi phạm điểm a khoản 2 Điều 72 Luật giao thông đường bộ và điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt và hành vi của ông **Huỳnh Thanh L** giao phương tiện cho **K2** điều khiển chở đất vượt trọng tải cho phép đã vi phạm điểm h khoản 7 Điều 30 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T** đã có văn bản số 109/CSĐT-ĐTTH ngày 31/3/2023 về việc đề nghị Trưởng **Công an huyện T** xem xét xử phạt vi phạm hành chính đối với **Prất K2** và ông **Huỳnh Thanh L** theo quy định pháp luật.

Đối với **Nguyễn Thị Quyền T** đã có hành vi điều khiển xe mô tô biển số 62E1-245.94 nhưng trong máu có nồng độ cồn là 226,98 mg/100ml và không chấp hành tín hiệu đèn giao thông (vượt đèn đỏ). Hành vi này đã vi phạm khoản 8 Điều 8 và điểm b khoản 3 điều 10 Luật Giao thông đường bộ nhưng **Nguyễn Thị Quyền T** đã tử vong nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề nghị xem xét xử lý.

Bị can **Prất Kiệt** được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra người đại diện theo pháp luật của bị hại **Nguyễn Thị Quyền T** là bà **Phan Thị T1** (mẹ ruột nạn nhân **T**) yêu cầu bị can **Prất K2**, chủ sở hữu phương tiện ông **Nguyễn Văn N1**, ông **Huỳnh Thanh L** và người đại diện theo pháp luật của **Công ty T10** bồi thường tổng số tiền 1.697.000.000 đồng gồm: Tiền chi phí mai táng 60.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 149.000.000 đồng, tiền thu nhập thực tế bị mất 1.488.000.000 đồng. Người đại diện theo uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật của bị hại **Nguyễn Thị Như N** là chị **Nguyễn Thị Ngọc H** (chị ruột nạn nhân **N**) yêu cầu bị can **Prất Kiệt**, chủ sở hữu phương tiện ông **Nguyễn Văn N1**, ông **Huỳnh Thanh L** và người đại diện theo pháp luật của **Công ty T10** bồi thường tổng số tiền 1.712.000.000 đồng gồm: Tiền chi phí mai táng 60.000.000 đồng, **T7** tổn thất tinh thần 149.000.000 đồng, **T7** thu nhập thực tế bị mất 1.488.000.000 đồng, **T7** bồi thường phương tiện xe mô tô biển số 62E1-245.94 bị hư hỏng 15.000.000 đồng. Bị can **Prất K2** có nhờ ông **Huỳnh Thanh L** chủ sở hữu xe ô tô tải biển số 62C-132.07 bồi thường thay cho bị can, ông **L** đã bỏ ra số tiền 50.000.000 đồng để bồi thường cho bà **Phan Thị T1**. Hiện bà **T1** yêu cầu bị can **Prất K2** bồi thường số tiền 1.647.000.000 đồng, chị **H** yêu cầu bị can **Prất Kiệt** bồi thường số tiền 1.712.000.000 đồng.

Đối với ông **Huỳnh Thanh L** đã bỏ ra số tiền 50.000.000 đồng để bồi thường thay cho bị can, ông **L** không yêu cầu bị can **Prất Kiệt** trả lại số tiền trên.

Từ đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo **Prắt K2** về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, bị cáo **Prắt K2** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã nêu và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự, bị cáo **Prắt K2** đồng ý liên đới trách nhiệm cùng với ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** cùng bồi thường thiệt hại cho phía bị hại **N**, phía bị hại Trần mỗi bên các khoản bồi thường sau;

+ Khoản chi phí mai táng là 60.000.000đ;

+ Khoản tiền tổn thất tinh thần là 100.000.000đ;

Về khoản yêu cầu bồi thường mất thu nhập, tiền cấp dưỡng, bị cáo **Prắt K2** không đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Đối với khoản bồi thường phương tiện xe mô tô biển số 62E1-245.94 bị hư hỏng là 15.000.000đ theo yêu cầu của ông **Nguyễn Văn T2**, bị cáo **Prắt K2** đồng ý liên đới trách nhiệm cùng với ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** bồi thường cho ông **T2** số tiền thiệt hại theo như định giá là 3.787.235đ.

Bị cáo **Prắt K2** thống nhất với ý kiến của ông **L** là, khi bồi thường thì ông **Huỳnh Thanh L** chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại trước bằng tài sản hợp pháp của ông **L**. Trường hợp tài sản của ông **Huỳnh Thanh L** không đủ để bồi thường trước, thì ông **Nguyễn Văn N1**, bị cáo **Prắt K2** sẽ liên đới trách nhiệm bồi thường khoản tiền còn lại.

- Trợ giúp viên pháp lý **Nguyễn Văn K3** phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo **K2** như sau: Bị cáo **K2** có hành vi vượt đèn vàng, gây tai nạn làm chết 02 người, hành vi phạm tội của bị cáo **K2** là đã rõ theo nội dung cáo trạng đã nêu và thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa. Tuy nhiên, tại phiên tòa, sau khi kết thúc xét hỏi, ông **Huỳnh Thanh L** có nêu ý kiến với người bào chữa là gia đình bị cáo **K2** có chuyển cho ông **L** số tiền 10.000.000đ để bồi thường 01 phần thiệt hại cho phía gia đình các bị hại, mặc dù phía đại diện của các bị hại không nhận, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử vẫn xem xét cho bị cáo **K2** được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bởi vì, từ khi xảy ra vụ việc thì bị cáo **K2** đã bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay, bị cáo **K2** không thể trực tiếp đến gặp gia đình các bị hại để xin lỗi hay bồi thường, khắc phục hậu quả. Mặt khác, cha, mẹ bị cáo **K2** đã mất, anh chị em của bị cáo thì không sống chung, bị cáo bị tạm giam nên không liên lạc được, nên bị cáo không thể nhờ người thân bồi thường, khắc phục quả cho bị hại. Bị cáo **K2** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, trong vụ việc này cũng có lỗi 01 phần của bị hại **T** là đã vượt đèn đỏ mới xảy ra va chạm dẫn đến tai nạn thương tâm. Bị cáo **K2** thì cha mẹ đều đã chết, bị cáo là người dân tộc thiểu số, chưa có vợ con, chưa có tiền án, tiền sự, cần được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình

sự. Điều đó, cho thấy, mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị từ 03 đến 04 năm tù cho bị cáo **K2** là còn cao, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng dưới mức hình phạt tù của khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm tù, phạt dưới 03 năm tù đối với bị cáo **K2**.

Về trách nhiệm dân sự: Do phía bị hại **T** cũng có lỗi dẫn đến thiệt hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo **K2** chỉ phải bồi thường 50% phần thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Anh **Lê Thanh P** là người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của bị hại **Nguyễn Thị Quyền T** trình bày:

+ Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo **K2**: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt theo đúng quy định của pháp luật.

+ Về phần bồi thường thiệt hại: Người đại diện theo pháp luật của bị hại **Nguyễn Thị Quyền T** yêu cầu bị cáo **K2**, ông **L**, ông **N1** và **Công ty TNHH MTV T8** phải liên đới trách nhiệm bồi thường tổng cộng là 1.728.000.000đ, trong đó gồm: Chi phí mai táng là 60.000.000đ, tiền tổn thất tinh thần là 180.000.000đ (là 100 tháng lương cơ sở theo quy định hiện hành), tiền thu nhập thực tế bị mất của bị hại **Trân** trong 20 năm là 1.488.000.000đ (do trước khi chết bị hại **Trân** có thu nhập 6.200.000đ/tháng, thời gian lao động trung bình còn lại của bị hại **T** là 20 năm).

Ngoài ra, anh **P** còn xác định theo bà **T1** (mẹ bị hại **Trân**) trình bày thì khoản tiền 50.000.000đ mà trước đây ông **L** có đến đưa cho bà **T1** tại đám tang bị hại **Trân** vào ngày 02/01/2023 là khoản tiền phúng điếu chứ không phải tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị cáo **K2**.

- Chị **Nguyễn Thị Ngọc H** là đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của bị hại **Nguyễn Thị Như N** trình bày:

+ Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo **K2**: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt theo đúng quy định của pháp luật. Chị **H** không đồng ý với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo **K2** về việc đề nghị cho bị cáo **K2** được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bởi vì, từ khi xảy ra vụ việc cho đến nay bị cáo **K2** hay người thân bị cáo không hề liên hệ xin lỗi hay bồi thường khoản tiền nào cho bị hại **N**. Trong đám tang của bị hại **N** thì phía chủ xe là ông **L** có đến thăm hỏi, phúng điếu và nói đưa một số tiền bồi thường, nhưng thái độ không lịch sự, nên gia đình bị cáo **N** đã không đồng ý và yêu cầu ra về.

+ Về phần bồi thường thiệt hại: Người đại diện theo pháp luật của bị hại **Nguyễn Thị Như N** yêu cầu bị cáo **K2**, ông **L**, ông **N1** và **Công ty TNHH MTV T8** phải liên đới trách nhiệm bồi thường tổng cộng là 1.728.000.000đ, trong đó gồm: Chi phí mai táng là 60.000.000đ, tiền tổn thất tinh thần là 180.000.000đ, tiền thu nhập thực tế bị mất của bị hại **N** trong 20 năm là 1.488.000.000đ.

Ngoài ra, chị **H** còn bổ sung thêm phần yêu cầu buộc bị cáo **K2**, ông **L**, ông **N1** và Công ty TNHH MTV **T8** phải liên đới trách nhiệm bồi thường thêm khoản tiền cấp dưỡng mà bị hại **N** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cha, mẹ của bị hại **N** theo quy định của pháp luật.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại **Nguyễn Thị Như N** là Luật sư **Nguyễn Chí T6** phát biểu quan điểm như sau:

+ Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo **K2**: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có giấy phép lái xe hạng C, nhưng khi điều khiển xe ô tô tải đi qua Ngã tư, đã không chấp hành tín hiệu đèn giao thông, vượt đèn vàng, gây tai nạn làm chết 02 người, chứng tỏ bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật. Sau khi xảy ra vụ việc, bị cáo cũng không có ý thức bồi thường, khắc phục hậu quả. Do đó, phía luật sư không đồng tình với mức án do Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo **K2**. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo **K2** theo quy định của pháp luật.

+ Về phần trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo **K2**, ông **L**, ông **N1** và Công ty TNHH MTV **T8** phải liên đới trách nhiệm bồi thường cho gia đình bị hại **N** theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn dân sự là ông **Huỳnh Thanh L** trình bày: Xe ô tô tải biển số 62C-132.07 là thuộc sở hữu hợp pháp của ông **L**. Ông **N1** chỉ là người đứng tên giữ. Ông **L** là người trực tiếp thuê bị cáo **K2** làm tài xế lái xe ô tô tải cho ông **L** và ông **L** là người trả tiền công cho bị cáo **K2**. Sau khi xảy ra vụ tai nạn làm chết 02 bị hại, ngày 02/01/2023, ông **L** cùng người thân cũng có đến thăm hỏi, viếng tang, có đưa mỗi bên gia đình bị hại số tiền 50.000.000đ để bồi thường, nhưng nay phía gia đình bị hại nói là tiền phúng điếu, thì ông cũng không có ý kiến gì. Ông **L** thống nhất liên đới trách nhiệm cùng với ông **N1**, bị cáo **K2** cùng bồi thường thiệt hại cho phía bị hại **N**, phía bị hại Trần mỗi bên các khoản bồi thường sau;

+ Khoản chi phí mai táng là 60.000.000đ;

+ Khoản tiền tổn thất tinh thần là 100.000.000đ;

Về khoản yêu cầu bồi thường mất thu nhập, tiền cấp dưỡng, ông **L** không đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Về khoản tiền bồi thường phương tiện xe mô tô biển số 62E1-245.94 bị hư hỏng là 15.000.000đ theo yêu cầu của ông **Nguyễn Văn T2** thì ông **Huỳnh Thanh L** đồng ý liên đới trách nhiệm cùng với ông **N1**, bị cáo **Prất K2** bồi thường cho ông **T2** số tiền thiệt hại theo như định giá là 3.787.235đ.

Ngoài ra, ông **Huỳnh Thanh L** xác định là ông **L** sẽ chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại trước bằng tài sản hợp pháp của ông **L**. Trường hợp tài sản của ông **L** không đủ để bồi thường trước, thì ông **Nguyễn Văn N1**, bị cáo **Prất K2** sẽ liên đới trách nhiệm bồi thường khoản tiền còn lại.

- Bị đơn dân sự là ông **Nguyễn Văn N1** trình bày: Ông **N1** thống nhất liên đới trách nhiệm cùng với ông **L**, bị cáo **K2** cùng bồi thường thiệt hại cho phía bị hại **N**, phía bị hại Trân mỗi bên các khoản bồi thường sau;

+ Khoản chi phí mai táng là 60.000.000đ;

+ Khoản tiền tổn thất tinh thần là 100.000.000đ;

Về khoản yêu cầu bồi thường mất thu nhập, tiền cấp dưỡng, ông **N1** không đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Về khoản yêu cầu bồi thường mất thu nhập, tiền cấp dưỡng, ông **N3** đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Về khoản tiền bồi thường phương tiện xe mô tô biển số 62E1-245.94 bị hư hỏng là 15.000.000đ theo yêu cầu của ông **Nguyễn Văn T2** thì ông **N1** đồng ý liên đới trách nhiệm cùng với ông **L**, bị cáo **Prất K2** bồi thường cho ông **T2** số tiền thiệt hại theo như định giá là 3.787.235đ.

Ngoài ra, ông **N1** cũng thống nhất với ý kiến của ông **L** là ông **L** sẽ chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại trước bằng tài sản hợp pháp của ông **L**. Trường hợp tài sản của ông **L** không đủ để bồi thường trước, thì ông **N1**, bị cáo **Prất K2** sẽ liên đới trách nhiệm bồi thường khoản tiền còn lại.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo **K2** đã gây ra, xác định theo diễn biến tại phiên tòa thì bị cáo **K2** không đủ điều kiện áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử quyết định như sau:

- Về Tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo **Prất K2** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Về Hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 260, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Prất K2** từ 03 năm tù đến 04 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, không áp dụng các biện pháp tư pháp đối với bị cáo.

Ngoài ra, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh còn đề nghị về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử áp dụng đối với bị cáo, được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có đương sự nào khiếu nại. Quá trình

điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đều đã được thực hiện hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm và định tội:

[2.1] Tại phiên Tòa, bị cáo **Prắt K2** đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như cáo trạng đã nêu, lời thừa nhận của bị cáo phù hợp lời khai của người đại diện cho phía bị hại **T**, phía bị hại **N**; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 01/01/2023 và sơ đồ hiện trường tai nạn giao thông do Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T** lập; các bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 16/KL-KTHS và số 17/KL-KTHS ngày cùng 06/01/2023 của **Phòng K4 Công an tỉnh L**; các bản Kết luận giám định pháp y về hóa pháp số HST 09/ĐC.2023 và số HST 10/ĐC.2023 cùng ngày 12 tháng 01 năm 2023 của **Trung tâm pháp y Thành phố H**; Bản Kết luận giám định số 1788/KL-KTHS ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Phân Viện khoa học hình sự **Bộ C1** tại Thành phố Hồ Chí Minh; Bản Kết luận giám định số 208/KL-KTHS ngày 28 tháng 3 năm 2023 của **Phòng K4 Công an tỉnh L**; Đặc biệt là phù hợp với nội dung các dữ liệu hình ảnh camera ghi lại diễn biến vụ tai nạn vào ngày 01/01/2023 đã được trình chiếu, làm rõ tại phiên tòa.

[2.2] Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo **K2**, có giấy phép lái xe hạng C, trong quá trình điều khiển xe ô tô tải biển số 62C-132.07 lưu thông trên **đường T** theo hướng **huyện T, tỉnh Đồng Tháp đi huyện T, tỉnh Long An**, khoảng 16 giờ 35 phút ngày 01/01/2023 đã đến gần ngã tư giao nhau giữa **đường T với đường H thuộc khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An**, khi cách vạch dừng phía trước đèn tín hiệu giao thông tại ngã tư khoảng 10 mét thì **K2** nhìn thấy đèn tín hiệu giao thông đang báo màu vàng với thời gian còn 04 giây. Lúc này, **K2** không dừng xe ô tô tải lại trước vạch dừng mà điều khiển xe ô tô tải tăng tốc để vượt qua vạch dừng và tiếp tục chạy qua ngã tư thì đụng vào xe mô tô, biển số 62E1-245.94 do chị **Nguyễn Thị Quyền T** điều khiển chở chị **Nguyễn Thị Như N** ngồi phía sau đang vượt đèn đỏ qua ngã tư, làm chị **T** và chị **N** té ngã xuống đường, xe ô tô tải do **K2** điều khiển đã chèn ép qua người chị **T** và chị **N** làm chị **T** và chị **N** tử vong tại chỗ. Hành vi của bị cáo **Prắt K2** đã vi phạm khoản 3 Điều 10 Luật Giao thông đường bộ, gây thiệt hại cho tính mạng của người khác, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

[2.3] Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An ban hành cáo trạng truy tố bị cáo **Prắt K2** về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[3] Về tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét thấy bị cáo **K2** là người có đủ khả năng nhận thức, đủ khả năng điều khiển hành vi, nhưng khi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông đường đã vượt tín hiệu đèn giao thông màu vàng (là tín hiệu mà theo quy định các phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải dừng lại trước vạch dừng), gây tai nạn làm chết người. Hành vi phạm tội của bị cáo **K2** là rất nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi vô ý vì quá tự tin, trực tiếp xâm hại đến tính mạng, tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Hiện nay, trên địa bàn **huyện T** xảy ra nhiều vụ việc vi phạm trật tự, an toàn giao thông, gây thiệt hại nghiêm trọng, rất nghiêm trọng về tính mạng, tài sản của nhiều người. Do đó, hành vi “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” của bị cáo **K2** cần được xử lý nghiêm khắc và áp dụng mức hình phạt tương xứng mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo **K2** không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo **K2** sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với ý kiến của người bào chữa cho rằng bị cáo **K2** vẫn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả với lý do là trong thời gian bị tạm giam, bị cáo không thể gặp được phía gia đình bị hại để bồi thường một phần thiệt hại, bị cáo **K2** cha mẹ đã mất, người thân không liên lạc được nên không thể liên hệ phía gia đình bị hại bồi thường, tại phiên tòa, phía người thân bị cáo **K2** đã chuyển tiền cho ông **L** nhờ bồi thường thay cho bị cáo **K2** nhưng phía bị hại không nhận, chứ không phải bị cáo không bồi thường. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian bị cáo tạm giam từ ngày 02/01/2023 cho đến nay là khoảng 06 tháng, bị cáo **K2** đều có thời gian để nhờ người thân hoặc tác động người khác như là ông **L** (người đã thuê bị cáo làm tài xế xe) bồi thường một phần thiệt hại cho phía bị hại. Tuy nhiên, như lời khai của ông **L** và bị cáo **K2** tại tòa là, sau khi bị cáo **K2** thông qua cán bộ điều tra để nhờ ông **L** bồi thường từ ngày 04/01/2023 thì không có ai bồi thường thay cho bị cáo, tại phiên tòa mới có việc phát sinh vấn đề đưa tiền bồi thường và phía bị hại đã không nhận, nên bị cáo **K2** không đủ điều kiện tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Ngoài ra, bị cáo **K2** đã đầu thú sau khi thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn; có một phần lỗi của nạn nhân **Nguyễn Thị Quyền T**, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà bị cáo **K2** được hưởng.

[5] Về quyết định hình phạt: Hội đồng xét xử thấy rằng: Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân, hoàn cảnh gia đình cũng

như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo **K2** bằng một hình phạt tù có thời hạn bằng mức đề nghị cao nhất của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà **Phan Thị T1**, ông **Nguyễn Văn D1** (là cha mẹ ruột bị hại **Trần**) yêu cầu bị cáo **K2**, ông **L**, ông **N1** và **Công ty TNHH MTV T8** liên đới trách nhiệm bồi thường tổng số tiền 1.728.000.000 đồng gồm: Tiền chi phí mai táng 60.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 180.000.000 đồng, tiền thu nhập thực tế bị mất 1.488.000.000 đồng. Chị **Nguyễn Thị Ngọc H** là người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của bị hại **N** yêu cầu bị cáo **K2**, ông **L**, ông **N1** và **Công ty TNHH MTV T8** liên đới trách nhiệm bồi thường tổng số tiền 1.728.000.000 đồng gồm: Tiền chi phí mai táng 60.000.000 đồng, **T7** tổn thất tinh thần 180.000.000 đồng, **T7** thu nhập thực tế bị mất 1.488.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị **H** còn bổ sung yêu cầu phía bị cáo **K2**, ông **L**, ông **N1** và **Công ty TNHH MTV T8** liên đới trách nhiệm bồi thường thêm khoản tiền cấp dưỡng cho cha mẹ của bị hại **N**. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[6.1] Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại như sau:

“1. Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác.

2. Người gây thiệt hại không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp thiệt hại phát sinh là do sự kiện bất khả kháng hoặc hoàn toàn do lỗi của bên bị thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

3. Trường hợp tài sản gây thiệt hại thì chủ sở hữu, người chiếm hữu tài sản phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp thiệt hại phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều này.”

[6.2] Tại Điều 587 Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định về bồi thường thiệt hại do nhiều người cùng gây ra là: *“Trường hợp nhiều người cùng gây thiệt hại thì những người đó phải liên đới bồi thường cho người bị thiệt hại. Trách nhiệm bồi thường của từng người cùng gây thiệt hại được xác định tương ứng với mức độ lỗi của mỗi người; nếu không xác định được mức độ lỗi thì họ phải bồi thường thiệt hại theo phần bằng nhau”.*

[6.3] Trong vụ án này thì cả bị cáo **Prát K2** (điều khiển xe ô tô tải vượt đèn vàng) và bị hại **T** (điều khiển xe mô tô vượt đèn đỏ) đều có hành vi trái pháp luật, là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thiệt hại tính mạng của bị hại **T** và bị hại **N**, nên cả 02 cùng có lỗi, mức độ lỗi bị hại **T** và bị cáo **K2** cùng là 50%, nên mỗi bên phải chịu trách nhiệm bồi thường tương ứng là 50% thiệt hại.

[6.4] Theo quy định tại khoản 4 Điều 585 của Bộ luật Dân sự thì “*Khi bên bị thiệt hại có lỗi trong việc gây ra thiệt hại thì không được bồi thường phần thiệt hại do lỗi của mình gây ra*” nên phần thiệt hại 50% về tính mạng của bị hại Trần sẽ không được bồi thường, phần 50% thiệt hại về tính mạng của bị hại Trần còn lại sẽ được bên có lỗi còn lại là bị cáo **Prắt K2** bồi thường.

[6.5] Đối với thiệt hại về tính mạng cho bị hại **N**, do bị hại Trần đã chết nên theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015, phần 50% thiệt hại tính mạng của bị hại **N** sẽ do người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại **T** sẽ chịu trách nhiệm bồi thường trong phạm vi di sản do bị hại **T** để lại. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của bị hại **T** xác định là bị hại Trần chưa có chồng, chưa có con, do đó người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại **T** được xác định là ông **D** và bà **T1** (cha, mẹ ruột của bị hại **T**), nên ông **D** và bà **T1** có trách nhiệm bồi thường 50% phần thiệt hại về tính mạng của bị hại **N** trong phạm vi di sản do bị hại **T** để lại. Phần 50% thiệt hại về tính mạng của bị hại **N** còn lại sẽ được bên có lỗi còn lại là bị cáo **Prắt K2** bồi thường.

[6.2] Xét về trách nhiệm bồi thường của bị cáo **Prắt K2**: Căn cứ theo quy định tại Điều 584 Bộ luật Dân sự 2015, đã được hướng dẫn cụ thể tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trong trường hợp trên, chủ sở hữu hợp pháp của xe ô tô tải biển số 62C-132.07 phải chịu trách nhiệm bồi thường. Theo nội dung Giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 62C-132.07 số 000161 thì người đứng tên là ông **Nguyễn Văn N1**. Tuy nhiên, quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã xác định được ông **Huỳnh Thanh L** là chủ sở hữu hợp pháp của xe ô tô tải biển số 62C-132.07, nên ông **Huỳnh Thanh L** mới là chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với thiệt hại do hành vi vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ của bị cáo **Prắt K2** gây ra. Tuy nhiên, tại phiên tòa, cả bị cáo **Prắt K2**, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** cùng thống nhất ý kiến là cả 03 sẽ liên đới trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho phía bị hại và ông **L** là chủ sở hữu hợp pháp của xe ô tô tải biển số 62C-132.07 sẽ chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại trước bằng tài sản hợp pháp của ông **L**, thỏa thuận này của bị cáo **Prắt K2**, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** là phù hợp quy định tại điều 601 Bộ luật Dân sự năm 2015, được hướng dẫn tại khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7.4] Xét về số tiền cụ thể phải bồi thường thiệt hại về tính mạng đối với bị hại **T** và bị hại **N**: Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại Điều 591 Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định:

“1. *Thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm bao gồm:*

a) *Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định tại Điều 590 của Bộ luật này;*

b) *Chi phí hợp lý cho việc mai táng;*

c) Tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng;

d) Thiệt hại khác do luật quy định.

2. Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tính mạng của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần cho những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người bị thiệt hại, nếu không có những người này thì người mà người bị thiệt hại đã trực tiếp nuôi dưỡng, người đã trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại được hưởng khoản tiền này. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có tính mạng bị xâm phạm không quá một trăm lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.”

Tại Điều 590 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm như sau:

“1. Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm bao gồm:

a) Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại;

b) Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại; nếu thu nhập thực tế của người bị thiệt hại không ổn định và không thể xác định được thì áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại;

c) Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị; nếu người bị thiệt hại mất khả năng lao động và cần phải có người thường xuyên chăm sóc thì thiệt hại bao gồm cả chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại;

d) Thiệt hại khác do luật quy định.

2. Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp sức khỏe của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.”

Theo hướng dẫn tại Điều 8 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì:

“Thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 591 của Bộ luật Dân sự được xác định như sau:

1. Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự, được hướng dẫn tại Điều 7 Nghị quyết này, **được tính từ thời điểm người bị thiệt hại bị xâm phạm sức khỏe cho đến thời điểm người đó chết.**

2. Chi phí hợp lý cho việc mai táng đối với các khoản tiền: mua quan tài; chi phí hỏa táng, chôn cất; các vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, hoa, thuê xe tang và các khoản chi khác phục vụ cho việc chôn cất hoặc hỏa táng nạn nhân theo phong tục, tập quán địa phương. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí cúng tế, lễ bái, ăn uống, xây mộ, bốc mộ.

3. Tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc nuôi dưỡng trước khi chết được xác định như sau:

a) Mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, nhưng không thấp hơn 01 tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người được cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng;

b) Thời điểm cấp dưỡng được tính từ thời điểm người bị thiệt hại bị xâm phạm về sức khỏe;

c) Đối tượng được bồi thường tiền cấp dưỡng là những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.”

Như vậy, chiếu theo các quy định trên, trong trường hợp cụ thể của bị hại **T** và bị hại **N**, các khoản tiền bồi thường thiệt hại được xác định như sau:

[7.4.1] Đối với phần chi phí mai táng là 60.000.000đ mà đại diện theo pháp luật của bị hại **Trân** có yêu cầu bồi thường, lẽ ra phần 50% tương ứng thành tiền là 30.000.000đ phía bị hại **T** không được bồi thường. Bên bị cáo **Prất K2**, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** chỉ phải cùng chịu trách nhiệm bồi thường phần 50% còn lại tương ứng thành tiền là 30.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo **Prất K2**, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** cùng thống nhất bồi thường khoản chi phí mai táng 60.000.000đ này cho phía đại diện theo pháp luật của bị hại **T**, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7.4.2] Đối với phần chi phí mai táng là 60.000.000đ mà đại diện cho bị hại **N** có yêu cầu bồi thường, lẽ ra phần 50% tương ứng thành tiền là 30.000.000đ phía những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại **T** là ông **D** và bà **T1** phải bồi thường trong phạm vi di sản do bị hại **T** để lại. Bên bị cáo **Prất K2**, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** chỉ phải cùng chịu trách nhiệm bồi thường phần 50% còn lại tương ứng thành tiền là 30.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo **Prất K2**, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** cùng thống nhất bồi thường khoản chi phí mai táng 60.000.000đ này cho phía đại diện theo pháp luật của bị hại **N** là đủ, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không buộc phía ông **D** và bà **T1** phải bồi thường cho đại diện theo pháp luật của bị hại **N** số tiền 30.000.000đ trong phạm vi di sản do bị hại **T** để lại.

[7.4.3] Đối với khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 180.000.000đ cho người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại **T** mà đại diện theo pháp luật của bị hại **Trân** có yêu cầu bồi thường, phần 50% tương ứng thành tiền là 90.000.000đ phía bị hại **T** không được bồi thường. Bên bị cáo **Prất K2**, ông

Huỳnh Thanh L, ông Nguyễn Văn N1 chỉ phải cùng chịu trách nhiệm bồi thường phần 50% còn lại tương ứng thành tiền là 90.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo Pratt K2, ông Huỳnh Thanh L, ông Nguyễn Văn N1 cùng thống nhất bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần này cho người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại T là 100.000.000đ, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7.4.4] Đối với khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 180.000.000đ cho người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại N mà đại diện cho bị hại Trần có yêu cầu bồi thường, phần 50% tương ứng thành tiền là 90.000.000đ thì phía những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại T là ông D và bà T1 phải bồi thường trong phạm vi di sản do bị hại T để lại. Bên bị cáo Pratt K2, ông Huỳnh Thanh L, ông Nguyễn Văn N1 chỉ phải cùng chịu trách nhiệm bồi thường phần 50% còn lại tương ứng thành tiền là 90.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo Pratt K2, ông Huỳnh Thanh L, ông Nguyễn Văn N1 cùng thống nhất bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần này cho người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại N là 100.000.000đ, nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc bị cáo Pratt K2, ông Huỳnh Thanh L, ông Nguyễn Văn N1 cùng liên đới bồi thường cho người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại N số tiền là 100.000.000đ. Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại T là ông D và bà T1 phải bồi thường số tiền 80.000.000đ còn lại cho người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại N, trong phạm vi di sản do bị hại T để lại.

[7.4.5] Đối với yêu cầu của người đại diện cho các bị hại nêu về bồi thường khoản tiền mất thu nhập thực tế của bị hại T là 1.488.000.000đ, của bị hại N là 1.488.000.000đ. Thấy rằng, do khi xảy ra vụ tai nạn giao thông giữa xe ô tô tải biển số 62C-132.07 do bị cáo K2 điều khiển và xe mô tô biển số 62E1-245.94 do bị hại Trần điều khiển thì bị hại T, bị hại N đã tử vong tại chỗ, nên chiếu theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã được viện dẫn nêu trên, thì bị hại T, bị hại N không phát sinh thu nhập thực tế bị mất thuộc trường hợp phải bồi thường, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận phần yêu cầu bồi thường khoản tiền thu nhập thực tế bị mất theo như yêu cầu của đại diện cho bị hại T, đại diện cho bị hại N, ý kiến của Luật sư T6 tại phiên tòa.

[7.4.6] Đối với yêu cầu của chị H là người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của bị hại N tại phiên tòa về việc yêu cầu bị cáo Pratt K2, ông Huỳnh Thanh L, ông Nguyễn Văn N1, Công ty TNHH MTV T8 cùng liên đới bồi thường thêm khoản tiền cấp dưỡng cho cha mẹ của bị hại N. Hội đồng xét xử thấy rằng tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có hướng dẫn về “Tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc nuôi dưỡng trước khi chết...” nhưng cũng có nêu “Đối tượng được bồi thường tiền cấp dưỡng là những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp

đường theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình”. Theo quy định tại Điều 111 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì “*Con đã thành niên không sống chung với cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cha mẹ trong trường hợp cha, mẹ không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình*”. Tại phiên tòa, chị **H** đã xác định trước khi bị tai nạn tử vong thì chị **N** sống chung với cha, mẹ. Bên cạnh đó, chị **H** không chứng minh được cha, mẹ chị **N** không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Do đó, yêu cầu của chị **H** về việc yêu cầu bị cáo **Prắt K2**, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1**, Công ty TNHH MTV **T8** cùng liên đới bồi thường thêm khoản tiền cấp dưỡng cho cha, mẹ của bị hại **N** là không đủ căn cứ chấp nhận.

[7.5] Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của nguyên đơn dân sự là ông **Nguyễn Văn T2** về việc yêu cầu bồi thường số tiền 15.000.000đ do xe mô tô biển số 62E1-245.94 bị hư hỏng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo bản Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện T** đã kết luận: Giá trị xe mô tô biển số 62E1-245.94 bị hư hỏng là 3.787.235đ, nên không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường số tiền 15.000.000đ của ông **T2**, chỉ có căn cứ chấp nhận bồi thường số tiền thiệt hại theo định giá là 3.787.235đ. Về người có trách nhiệm bồi thường thiệt hại khoản tiền 3.787.235đ cho ông **T2**, thấy rằng: Lẽ ra phần 50% tương ứng thành tiền là 1.893.617,5đ phía những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại **T** là ông **D** và bà **T1** phải bồi thường cho ông **T2** trong phạm vi di sản do bị hại **T** để lại. Bên bị cáo **Prắt K2**, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** chỉ phải cùng chịu trách nhiệm bồi thường phần 50% còn lại tương ứng thành tiền là 1.893.617,5đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo **Prắt K2**, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** cùng thống nhất bồi thường toàn bộ khoản thiệt hại tài sản là 3.787.235đ cho ông **T2**, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7.6] Từ những phân tích trên, đối với phần bồi thường thiệt hại về tính mạng của bị hại **T**, bị hại **N** được xác định như sau:

[7.6.1] Bị cáo **Prắt K2**, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người đại diện theo pháp luật của bị hại **T** là ông **D**, bà **T1** số tiền chi phí mai táng bị hại **T** là 60.000.000đ.

[7.6.2] Bị cáo **Prắt K2**, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người đại diện theo pháp luật của bị hại **N** là ông **T2**, bà **Đa** số tiền chi phí mai táng bị hại **N** là 60.000.000đ.

[7.6.3] Bị cáo **Prắt K2**, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại **T** là ông **D**, bà **T1** số tiền tổn thất tinh thần là 100.000.000đ.

[7.6.4] Bị cáo **Prắt K2**, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại **N** là ông **T2**, bà **Đa** số tiền tổn thất tinh thần là 100.000.000đ. Người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại **T** là ông **D**, bà **T1** có trách nhiệm liên

đổi bồi thường cho cho người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại **N** là ông **T2**, bà Đa số tiền tổn thất tinh thần là 80.000.000đ, trong phạm vi di sản do bị hại **T** để lại.

[7.6.5] Bị cáo **Prắt K2**, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** có trách nhiệm liên đới bồi thường khoản thiệt hại tài sản là 3.787.235đ cho ông **Nguyễn Văn T2**.

[7.6.6] Không chấp nhận 01 phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông **Nguyễn Văn T2** với số tiền là 11.212.765đ.

[7.7] Đối với trách nhiệm của **Công ty TNHH MTV T8**, thấy rằng: **Công ty TNHH MTV T8** chỉ thuê ông **Huỳnh Thanh Long cung c** phương tiện vận chuyển đất, đá để san lấp, không phải là chủ sở hữu xe ô tô tải biển số 62C-132.07, không phải người chiếm hữu hợp pháp xe ô tô tải biển số 62C-132.07 khi xảy ra tai nạn, không phải là bên thuê bị cáo **K2** lái xe ô tô tải biển số 62C-132.07 khi xảy ra tai nạn, nên theo các quy định của pháp luật đã được viện dẫn nêu trên, **Công ty TNHH MTV T8** không có trách nhiệm bồi thường. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của phía đại diện của bị hại **T**, đại diện bị hại **N** về việc yêu cầu **Công ty TNHH MTV T8** liên đới trách nhiệm bồi thường.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Đối với các vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh gồm:

- 01 xe ô tô tải nhãn hiệu CHENGLONG, số loại LZ3253QDL, màu sơn: bạc, biển số 62C-132.07, số máy YC6MK34033MD3L2H 00276, số khung LGGX4DD4XHL439033 do ông **Nguyễn Văn N1** đứng tên quyền sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 62C-132.07 số 000161 của **Công an huyện T**. Kết quả điều tra và trình bày của ông **L**, ông **N1** tại phiên tòa đã thống nhất xác định xe ô tô tải biển số 62C-132.07 là tài sản thuộc sở hữu của ông **Huỳnh Thanh L**. Do ông **Huỳnh Thanh L** có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho phía bị hại, nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của ông **L**.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVEALP, màu sơn: trắng, đen, bạc, biển số 62E1-245.94, số máy JA39E1221434, số khung 3913KY354548 thuộc sở hữu của ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1968, Địa chỉ: **ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An**, nên hoàn trả lại cho ông **T2**.

[7.2] Đối với các vật chứng là các bản chính giấy tờ liên quan đang được lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án gồm:

- 01 Giấy phép lái xe hạng C số 790187167675 mang tên **Prắt K2**, cần hoàn trả lại cho bị cáo **K2**.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 62C-132.07 số 000161, cần giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh quản lý để đảm bảo thi hành án khi xử lý tài sản là xe ô tô tải biển số 62C-132.07.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 62E1-245.94 số 018966 do ông **Nguyễn Văn T2** đứng tên, nên hoàn lại cho ông **T2**.

- 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số 0912506 đối với xe ô tô tải biển số 62C-132.07, cần giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh quản lý để đảm bảo thi hành án khi xử lý tài sản là xe ô tô tải biển số 62C-132.07.

- 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số 22BB220126567 đối với xe ô tô tải biển số 62C-132.07, cần giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh quản lý để đảm bảo thi hành án khi xử lý tài sản là xe ô tô tải biển số 62C-132.07.

- 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 821159003793 mang tên **Nguyễn Thị Quyền T**, cần hoàn lại cho người đại diện theo pháp luật của bị hại **T** là ông **D** và bà **T1**.

[7.3] Đối với vật chứng là 01 đĩa DVD nhãn hiệu Vitamedia chứa 05 (năm) File ghi hình không có âm thanh (video clip) được trích xuất từ thiết bị lưu trữ dữ liệu camera giám sát an ninh trật tự lắp đặt tại nơi xảy ra tai nạn ghi nhận diễn biến vụ tai nạn, cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 12, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bị cáo **Prát K2** là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, được miễn toàn bộ án phí. Người đại diện theo pháp luật của bị hại **T** và bị hại **N** thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí đối với các khoản tiền liên quan đến yêu cầu bồi thường thiệt hại về tính mạng không được chấp nhận.

Ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** phải liên đới cùng với bị cáo **K2** chịu án phí tính trên khoản tiền 320.000.000đ phải bồi thường cho phía bị hại. Do bị cáo **K2** đã được miễn toàn bộ án phí, nên số án phí còn lại ông **L**, ông **N1** phải liên đới nộp là 10.666.666đ.

Ngoài ra, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** còn phải liên đới chịu án phí 300.000đ tính trên số tiền 3.787.235đ phải bồi thường cho ông **T2**.

Người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại **T** là ông **D**, bà **T1** có trách nhiệm liên đới nộp khoản tiền án phí là 4.000.000đ tính trên khoản tiền 80.000.000đ phải bồi thường cho phía bị hại **N**. Khoản tiền án phí này ông **D**, bà **T1** phải liên đới nộp trong phạm vi di sản do bị hại **T** để lại.

Ông **Nguyễn Văn T2** phải nộp 560.638đ án phí tính trên khoản tiền 11.212.765đ bồi thường thiệt hại không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Prất K2** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt: Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Prất K2** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/01/2023.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo **K2** 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Bị cáo **Prất K2**, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người đại diện theo pháp luật của bị hại **T** là ông **D**, bà **T1** số tiền chi phí mai táng bị hại **T** là 60.000.000đ.

3.2. Bị cáo **Prất K2**, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người đại diện theo pháp luật của bị hại **N** là ông **T2**, bà Đa số tiền chi phí mai táng bị hại **N** là 60.000.000đ.

3.3. Bị cáo **Prất K2**, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại **T** là ông **D**, bà **T1** số tiền tổn thất tinh thần là 100.000.000đ.

3.4. Bị cáo **Prất K2**, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại **N** là ông **T2**, bà Đa số tiền tổn thất tinh thần là 100.000.000đ.

3.5. Người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại **T** là ông **D**, bà **T1** có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại **N** là ông **T2**, bà Đa số tiền tổn thất tinh thần là 80.000.000đ, trong phạm vi di sản do bị hại **T** để lại.

3.6. Bị cáo **Prất K2**, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** có trách nhiệm liên đới bồi thường khoản thiệt hại tài sản là 3.787.235đ cho ông **Nguyễn Văn T2**.

3.7. Đối với các khoản tiền bồi thường mà bị cáo **Prất K2**, ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** có trách nhiệm liên đới bồi thường. Ông **Huỳnh Thanh L** chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại trước bằng tài sản hợp pháp của ông **L**. Trường hợp tài sản của ông **Huỳnh Thanh L** không đủ để bồi thường trước, thì ông **Nguyễn Văn N1**, bị cáo **Prất K2** phải liên đới trách nhiệm bồi thường khoản tiền còn lại.

3.8. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

4.1. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh tiếp tục tạm giữ 01 xe ô tô tải nhãn hiệu CHENGLONG, số loại LZ3253QDL, màu sơn: bạc, biển số 62C-132.07, số máy YC6MK34033MD3L2H 00276, số khung LGGX4DD4XHL439033 do ông **Nguyễn Văn N1** đứng tên quyền sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 62C-132.07 số 000161 của **Công an huyện T**. Trong trường hợp ông **Huỳnh Thanh L** không tự nguyện thực hiện việc thi hành các khoản bồi thường theo như quyết định của bản án thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh có quyền xử lý, phát mãi xe ô tô tải 62C-132.07 theo quy định của pháp luật, để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của ông **Huỳnh Thanh L**.

4.2. Hoàn trả lại cho ông **Nguyễn Văn T2** xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 62E1-245.94.

4.3. Đối với các vật chứng là các bản chính giấy tờ liên quan đang được lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án gồm:

- 01 Giấy phép lái xe hạng C số 790187167675 mang tên **Prắt K2**, hoàn trả lại cho bị cáo **K2**.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 62C-132.07 số 000161, giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh quản lý để đảm bảo thi hành án khi xử lý tài sản là xe ô tô tải biển số 62C-132.07.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 62E1-245.94 số 018966 do ông **Nguyễn Văn T2** đứng tên, hoàn trả lại cho ông **T2**.

- 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số 0912506 đối với xe ô tô tải biển số 62C-132.07, giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh quản lý để đảm bảo thi hành án khi xử lý tài sản là xe ô tô tải biển số 62C-132.07.

- 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số 22BB220126567 đối với xe ô tô tải biển số 62C-132.07, giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh quản lý để đảm bảo thi hành án khi xử lý tài sản là xe ô tô tải biển số 62C-132.07.

- 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 821159003793 mang tên **Nguyễn Thị Quyền T**, hoàn lại cho người đại diện theo pháp luật của bị hại **T** là ông **D** và bà **T1**.

- Đối với vật chứng là 01 đĩa DVD nhãn hiệu Vitamedia chứa 05 (năm) File ghi hình không có âm thanh (video clip) được trích xuất từ thiết bị lưu trữ

dữ liệu camera giám sát an ninh trật tự lắp đặt tại nơi xảy ra tai nạn ghi nhận diễn biến vụ tai nạn, tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

5. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 12, Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quyết định như sau:

5.1. Miễn toàn bộ án phí cho bị cáo **Pratt K2**.

5.2. Miễn toàn bộ án phí đối với các khoản tiền liên quan đến yêu cầu bồi thường thiệt hại về tính mạng không được chấp nhận của người đại diện theo pháp luật của bị hại **T** và bị hại **N**.

5.3. Ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** phải liên đới nộp 10.666.666đ án phí sung Ngân sách Nhà nước.

5.4. Ông **Huỳnh Thanh L**, ông **Nguyễn Văn N1** phải liên đới nộp 300.000đ án phí sung Ngân sách Nhà nước.

5.5. Người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại **T** là ông **D**, bà **T1** có trách nhiệm liên đới nộp khoản tiền án phí là 4.000.000đ tính trên khoản tiền 80.000.000đ phải bồi thường cho phía bị hại **N**. Khoản tiền án phí này ông **D**, bà **T1** phải liên đới nộp trong phạm vi di sản do bị hại **T** để lại.

5.6. Ông **Nguyễn Văn T2** phải nộp 560.638đ án phí sung Ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo **K2**, người đại diện hợp pháp theo pháp luật cho bị hại **T** là ông **D**, bà **T1**; người đại diện hợp pháp theo pháp luật cho bị hại **N** là ông **T2**, bà **Đ1** được quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn dân sự là ông **L**, ông **N1** được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự là ông **Nguyễn Văn T2** được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Công an huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các bị cáo, bị hại, đương sự;
- Sở Tư pháp;
- Lưu HS, AV;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Khánh